TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tưởng Thị Thu.

2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên toà: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 76/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Ninh C, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh *(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).*

2. Bị đơn: Anh Phạm Mạnh Q, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. *(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)*.

Hiện đang chấp hành án tại đội 7, phân trại số 3, trại giam Q1. Địa chỉ: Xã T1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ninh C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua tìm hiểu tự nguyện chị và anh Phạm Mạnh Q được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép lừa dối kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Chị và anh Q đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại thôn N, xã K, huyện C. Trong thời gian chung sống chị và anh Q luân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không tôn trọng nhau. Năm 2021 anh Q vi phạm pháp luật phải đi cải tạo tại đội 7, phân trại số 3, trại giam Q1. Địa chỉ: Xã T1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nay chị C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Phạm Mạnh Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Q có 01 người con chung tên là Phạm Bảo H, sinh ngày 05/3/2020. Chị C đề nghị được nuôi dưỡng cháu Hvà không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Phạm Mạnh Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ninh C kết hôn trên cơ sở tự ngyện không bị ai lừa dối cưỡng ép. Anh và chị C đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã K, huyện C. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống tại thôn N, xã K, huyện C. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không tôn trọng lẫn nhau. Năm 2021 anh Q vi phạm pháp luật và đi chấp hành án cho đến nay. Chị C xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn anh Q xin đoàn tụ với chị C.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị C có 01 người con chung tên là Phạm Bảo H, sinh ngày 05/3/2020. Hiện tại cháu H đang ở cùng chị C. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị C nuôi dưỡng cháu Hân và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị Ninh C. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Phạm Mạnh Q. Cho chị Nguyễn Thị Ninh C được ly hôn với anh Phạm Mạnh Q.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 05/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Ninh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Mạnh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ninh C và anh Phạm Mạnh Q không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ninh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nguyễn Thị Ninh C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với anh Phạm Mạnh Q; anh Phạm Mạnh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị C và anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ninh C và anh Phạm Mạnh Q có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2019 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng sống không hòa thuận trong thời gian chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh Q có hành vi vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án. Chị C xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị C đề nghị giải quyết ly hôn với anh Q, anh Q không nhất trí ly hôn với chị C.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị C và anh Q không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình

hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Anh Phạm Mạnh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn, chị C không quan tâm đến anh Q nữa, anh Q xin đoàn tụ chỉ nhằm ràng buộc lẫn nhau. Như vậy, căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân giữa chị C, anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ninh C, bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Q, xử cho chị C được ly hôn với anh Phạm Mạnh Q.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh Q có 01 con chung là Phạm Bảo H, sinh ngày 05/3/2020. Xét thấy hiện nay cháu H còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về tâm sinh lý của trẻ nhỏ, chị C đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hân, chị C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Q nhất trí để chị C nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Bảo H cho chị Nguyễn Thị Ninh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C, anh Q xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ninh C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị Ninh C, bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh Phạm Mạnh Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ninh C được ly hôn với anh Phạm Mạnh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Bảo H, sinh ngày 05/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Ninh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Mạnh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị Ninh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị C đã nộp là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005256, ngày 28 tháng 3 năm 2022 của C cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí.

Anh Phạm Mạnh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ninh C và anh Phạm Mạnh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã K;
- C cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc